TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/DS-PT
Ngày: 17.3.2023
V/v "tranh chấp thừa kế, hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Bình

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:

Ông Bùi Trung Nam - Kiểm sát viên

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 507/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp thừa kế, hợp đồng tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hai ngoài hợp đồng"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 66/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ.(vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Tô Văn L**. Địa chỉ: ấp H, xã J, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh – Văn bản ủy quyền ngày 07/12/2022 (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Huỳnh Văn H1**, sinh năm 10/01/1962. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.2. Ông **Huỳnh Văn H2**, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.3. Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1963. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.4. Ông **Huỳnh Văn H3**, sinh năm 1966 (có mặt)

2.5. Bà **Huỳnh Thị Kim E**, sinh năm 1970 (có mặt)

2.6. Ông **Huỳnh Văn H4**, sinh năm 1972 Cùng địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2.7. Bà **Huỳnh Thị Kim A**, sinh năm 1968. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **NLQ1**. (có đơn xin vắng mặt)

3.2. Bà **NLQ2**. (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.3. Bà **NLQ3**. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.4. Ông **NLQ4**. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.5. Ông **NLQ5**. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.6. Bà **NLQ6**. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

3.7. Bà **NLQ7**, sinh năm 1966. Địa chỉ: đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

3.8. Ông **NLQ8**, sinh năm 1975. Địa chỉ: đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp ông NLQ8: Ông **NLQ8**, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường M, phường N, quận C, thành phố Cần Thơ – Văn bản ủy quyền ngày 28/02/2023 (có mặt)

4. Người kháng cáo: ông Huỳnh Văn H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Huỳnh Văn H trình bày yêu cầu khởi kiện như sau: Cha ông là ông Huỳnh Văn H0, sinh năm 1926, mất năm 2012 và mẹ là bà Lê Thị U1, sinh năm 1937, mất năm 2017. Khi cha ông H qua đời có để lại quyền sử dụng đất tại thửa 241, 242, 243, 244; tờ bản đồ số 02; diện tích 6.720m^2 và căn nhà với diện tích sử dụng 370m^2 được xây dựng trên đất, tọa lạc tại khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ, sau khi cha mất thì mẹ ông H là bà Lê Thị U1 trực tiếp quản lý và sử dụng. Trong phần căn nhà nêu trên ông H là người trực tiếp bỏ tiền đầu tư xây dựng thêm với diện tích 298m^2 trong tổng số diện tích 370m^2.

Vào năm 1997, ông H có nhận chuyển nhượng một phần đất của ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị H12 diện tích 1.860m^2, thuộc thửa số 256 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000225 và đã được ông T, bà Há thừa nhận tại Bản án số 30/2007/HNST của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ ngày 03/07/2007. Khoảng năm 1999, cha mẹ ông H là ông H0 và bà U1 lấy phần đất của ông H tặng cho lại em ruột của ông H là ông H4 và đổi cho ông H phần đất khác nằm trên thửa 243, tờ bản đồ số 2 với diện tích 1.860m^2. Phần đất này ông H sử dụng trồng cây ăn trái và xây dựng nhà ở kiên cố, hàng rào và sử dụng ổ định từ năm 1999 đến nay, ông H đã đóng góp tiền theo chủ trương của nhà nước để làm lộ giao thông nông thôn bằng bê tông năm 2013 (có xác nhận của chính quyền địa phương). Nay ông H yêu cầu Toà án công nhận phần đất có diện tích 1.860m^2 cho ông.

Đến năm 2012, cha ông H mất không để lại di chúc, mẹ ông là bà U1, cùng các anh, em của ông đã tự ý chuyển nhượng hết phần đất và tài sản đang hiện hữu trên đất (gồm có cây trồng, vật kiến trúc của ông xây dựng trên đất) đã đổi cho ông thuộc thửa 243 cho ông NLQ1 mà ông không hay biết nên phát sinh tranh chấp giữa các thành viên trong gia đình, ông H có yêu cầu mẹ ông trả lại cho ông phần đất với diện tích 1.860m^2 thuộc thửa 243 nhưng không được các anh chị em trong gia đình chấp nhận và đến ngày 10/6/2017, mẹ ông qua đời không để lại di chúc.

Đối với Hợp đồng đặt cọc ngày 08/04/2014, có chữ ký giữa bà U1 và ông NLQ1 thì ông H không có ký tên trên hợp đồng đặt cọc, hợp đồng không được công chứng, chứng thực. Khi ký hợp đồng đặt cọc thì ông NLQ1 đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) để nhận chuyển nhượng phần đất tại thửa 243 tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129, hai bên thỏa thuận phần đất bán có giá 350.000.000 đồng/1000m^2, phía bà U1 đồng ý bán cho ông NLQ1 2.749,4m^2. Phần đất này thì bà U1 đã giao cho ông NLQ1 quản lý sử dụng.

Đồng ý giao cho NLQ3 đất vị trí F mà cha mẹ ông đã chuyển nhượng 100m^2, công nhận việc chuyển nhượng đất giữa cha me ông với ông H1, ông H2 và bà NLQ7, công nhận việc cha mẹ tặng cho ông, ông T, ông H3 mỗi người 200m^2, bà Huỳnh Thị Kim A, Kim E mỗi người 100m^2

Nay ông H yêu cầu Toà án giải quyết các vấn đề như sau:

1. Yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc ngày 08/04/2014 giữa bà U1 với ông NLQ1, đồng ý trả lại lại tiền cọc cho ông NLQ1 số tiền 500.000.000 đồng.

2. Đề nghị các bị đơn trả lại cho ông H phần đất có diện tích 1.860m^2 thuộc thửa 243, tờ bản đồ số 02 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129 do ông H0 đứng tên.

3. Yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 4.860m^2 thuộc các thửa đất số 241,242,243,244 tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số 000129 do H0 đứng tên. Yêu cầu chia theo hiện vật cho 08 người con của ông H0 và bà U1. Mỗi người tương ứng 607,5m^2. Yêu cầu nhận hiện vật tại vị trí A, B, D và F theo bản trích đó địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập. Đối với diện tích đất và tài sản trên đất lớn hơn diện tích mà nguyên đơn được nhận thì đồng ý trả giá trị tài sản và giá trị quyền sử dụng đất cho những người đồng thừa kế còn lại. Thống nhất phần đất tại vị trí I, C theo hồ sơ trích đo địa chính thì làm lối đi chung cho 08 anh em cùng sở hữu. Đối với phần đất mộ tại vị trí E theo hồ sơ trích đo địa chính nói trên thì không yêu cầu chia, đề nghị 08 anh em đồng sở hữu chung.

4. Yêu cầu cho ông H được toàn quyền sử dụng căn nhà trên phần đất tọa lạc tại đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ trong diện tích 1.860m^2.

5. Yêu cầu ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) do phá vỡ vật kiến trúc trên đất và hoa màu. Tuy nhiên, đã rút yêu cầu.

6. Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Tuy nhiên, đã rút yêu cầu này.

7. Yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn T bồi thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tuy nhiên, đã rút yêu cầu.

8. Yêu cầu ông NLQ1 bồi thiệt hại số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) do chặt phá hoa màu và dỡ vật kiến trúc trên đất và trả lại phần đất thửa số 243, tờ bản đồ số 2, đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ.

9. Yêu cầu ông Huỳnh Văn H4 bồi thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bị đơn lần lượt có ý kiến và yêu cầu phản tố như sau:

1. Ông Huỳnh Văn H1 có ý kiến và phản tố như sau: Vào ngày 08/04/2014, mẹ ông là U1 và ông NLQ1 có ký hợp đồng đặt cọc thỏa thuận chuyển nhượng phần đất có diện 2.749,4m^2 tại thửa 243, tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129 do ông Hưng (là cha của ông) đứng tên với giá khoản 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), thời điểm đó thì ông Hưng đã mất, việc bà U1 chuyển nhượng đất thì những người con trong gia đình đều biết và đồng ý ký tên cho bà U1 đứng ra chuyển nhượng. Sau khi ông NLQ1 giao đủ số tiền thì mẹ ông đã giao đất cho vợ chồng ông NLQ1 trong năm 2014, ông NLQ1 quản lý sử dụng cho đến nay ông NLQ1 có bán cho ai hay không thì ông không được biết. Việc bà U1 chuyển nhượng đất thì nhằm mục đích trả nợ cho ông H số tiền gần 500.000.000 đồng cho ngân hàng. Đối với yêu cầu hủy hợp đồng đặt cọc của nguyên đơn thì ông không đồng ý, nay đồng ý giao phần đất tại vị trí (K) mà Bản

trích đo địa chính số 11 ngày 03/03/2021 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ đã lập cho vợ chồng ông NLQ1.

Đối với đề nghị của ông H yêu cầu các bị đơn trả lại phần đất có diện tích 1.860m^2 thuộc thửa 243; tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000129 thì ông không đồng ý vì không có việc hoán đổi đất giữa ông H và bà U1. Đối yêu cầu của ông H được toàn quyền sử dụng phần đất tọa lạc tại đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ thì không đồng ý.

Ngoài ra sinh thời, cha mẹ ông còn có hứa cho phần đất cho các em gồm: ông Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T và Huỳnh Văn H3 mỗi người 200m^2 và bà Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim E mỗi người 100m^2. Nay đề nghị giao phần đất đã chuyển nhượng và tặng cho cho những người đã nhận chuyển nhượng và được tặng cho.

Đối với di sản thừa kế của cha mẹ để lại thì yêu cầu chia làm 08 phần theo giá trị tài sản cho 08 người con gồm: ông, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn H3, bà Huỳnh Thị Kim A, ông Huỳnh Văn H4 và ông Huỳnh Văn H. Đối với đường giao thông hiện nay đã là đường đi hiện hữu thì đề nghị công nhận làm đường đi công cộng. Đối với phần đất khu mộ và đường nội bộ thì không phân chia và đề nghị công nhận cho 08 anh em đồng sở hữu. Đối với phần đất và nhà trên đất tại vị trí D theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 thì đề nghị làm di sản thờ cúng để 08 anh em cùng đồng sở hữu và giao cho bà Huỳnh Thị Kim E quản lý. Sau khi khấu trừ các phần đất nói trên thì phần diện tích còn lại thì đề nghị chia cho 08 người con mỗi người một phần bằng nhau. Tuy nhiên, đề nghị được nhận phần đất tại vị trí G theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT vì hiện nay phần nhà ông đang nằm trên phần đất này. Nếu diện tích lớn hớn diện tích đã được chuyển nhượng và tặng cho thì ông đồng ý trả giá trị phần đất lớn hơn theo giá đã thẩm định và ngược lại nếu diện tích nhỏ hơn thì ông yêu cầu người nhận diện tích lớn hơn trả giá trị theo giá đã thẩm định.

2. ông Huỳnh Văn H2 có ý kiến và yêu cầu như sau: Thống nhất đối với phần trình bày của ông Huỳnh Văn H1. Ông H2 yêu cầu công nhận vị trí (H) mà bản trích đo địa chính vì phần đất này vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông Hưng với giá 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), hiện nay vợ chồng ông đã quản lý sử dụng phần đất này, việc chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông thì các anh chị em điều biết, đát chuyển nhượng diện tích 486m^2

3. Phần trình bày của ông Huỳnh Văn T,

4. ông Huỳnh Văn H3,

5. bà Huỳnh Thị Kim E,

6. bà Huỳnh Thị Kim A,

7. ông Huỳnh Văn H4: Cùng thống nhất phần trình bày của ông H1 và ông H2. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì không đồng ý. Ông T đề nghị được nhận vị trí O, K theo bản trích đo địa chính vì hiện nay phần nhà ông đang nằm trên phần đất này;

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến

1.ông NLQ1, bà NLQ2 trình bày và yêu cầu: Vào ngày 08/4/2014, vợ chồng ông, bà cùng với bà Lê Thị U1 có lập hợp đồng đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 2.749,4m^2, tại thửa 243, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại đường A, khu vực B, phường C, quận C, thành phố Cần Thơ do ông Hưng đứng tên. Giá chuyển nhượng là 962.290.000 đồng. Ngay sau ký hợp đồng thì ông NLQ1 và bà Lê Thị U1 đã đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng và đến ngày 25/7/2014 thì bên nhận chuyển nhượng là ông NLQ1 và bà Lê Thị U1 đã giao đủ số tiền còn lại là 462.290.000 đồng cho bên chuyển nhượng. Hiện tại, ông, bà đã tiếp nhận, quản lý phần đất nói trên, trên phần đất đã xây dựng nhà xưởng, cơ sở chế biến thức ăn gia súc từ năm 2014 đến nay. Nay ông, bà yêu cầu các thừa kế của ông Hưng, bà U1 tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên và công nhận cho ông bà được quyền sử dụng.

2. Phần trình bày, ý kiến của ông NLQ5, NLQ4, bà NLQ6: Các ông, bà là con của ông Huỳnh Văn H1. Hiện nay đang sinh sống trên phần đất tại vị trí G theo bản trích đo số 21. Nguồn gốc của thửa đất này là của ông Hưng và vào năm 2001 cha các ông, bà là ông H1 đã nhận chuyển nhượng và làm giấy tay đối với thửa đất này với ông Hưng. Diện tích đất mà cha ông nhận chuyển nhượng của ông Hưng là 486m^2, vị trí đất giáp với sông Hậu.

3. Phần trình bày, ý kiến của bà NLQ3: Khi ông Hưng và bà U1 còn sống thì bà có nhận chuyển nhượng phần đất 100m^2 đất thổ cư từ ông bà nội bà với giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), sau khi trả tiền xong bà đã xây nhà ở cho đến nay, việc phần đất hiện nay bà quản lý là đất vườn thì quá trình đo đạc mới được biết. Yêu cầu những người thừa kế của ông Hưng, bà U1 phải giao đất thổ cư cho bà. Cụ thể yêu cầu Tòa án công nhận tại vị trí (D) mà bản trích đo địa chính số 11 ngày 03/03/2021 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường thành phố Cần Thơ cho bà.

4. Phần trình bày và ý kiến của bà NLQ7 (vợ ông H2): Giữ nguyên nội dung yêu cầu độc lập, thống nhất nội dung của ông H2 đã trình bày và không có ý kiến gì thêm.

5. Phần trình bày và ý kiến của ông NLQ8: Ông NLQ8 có ký vi bằng để nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông NLQ1, tuy nhiên, không có yêu cầu giải quyết tranh chấp trong vụ án này.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận C xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn H0 và bà Lê Thị U1. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ7, bà NLQ3, ông NLQ1 và bà NLQ2.

Công nhận hợp đồng đặt cọc lập ngày 08/04/2014 giữa ông NLQ1 với bà Lê Thị U1. Buộc các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E phải thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông NLQ1, bà NLQ2. Công nhận phần đất tại vị trí J có diện tích 2.710,2m^2; Loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập cho ông NLQ1 và bà NLQ2.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 với bà NLQ3 lập ngày 11/02/2012. Ghi nhận việc các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E thống nhất giao phần đất tại vị trí F theo Bản trích đo địa chính nói trên cho bà NLQ3. Công nhận phần đất tại vị trí F có diện tích 201,7m^2; Hiện trạng: 100m^2 loại đất thổ cư và 101,7m^2 loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập cho bà NLQ3. Bà NLQ3 có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với phần diện tích đất được chuyển nhượng là 101,7m^2 tương ứng với số tiền 254.250.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) cho những người thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 khi nhận phần đất có diện tích ít hơn.

Ghi nhận việc các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E thống nhất các vấn đề như sau: Thống nhất tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H2 cùng bà NLQ7 với ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 và đồng ý giao cho ông Huỳnh Văn H1 phần đất có diện tích 486m^2, giao cho ông Huỳnh Văn H2 cùng bà NLQ7 có

diện tích 486m^2. Thống nhất việc ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 có tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T mỗi người 200m^2; bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E mỗi người 100m^2 và đồng ý giao phần đất cho ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T mỗi người 200m^2 và giao phần đất cho bà Huỳnh Thị Kim A, Kim E mỗi người 100m^2.

Ghi nhận các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E thống nhất phần đất tại vị trí I có diện tích 131,6m^2; loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập thì làm đường đi công cộng và ghi nhận phần đất vị trí C có diện tích 168,2m^2; loại đất cây lâu năm và phần đất tại vị trí E có diện 48,4m^2; loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập thì không phân chia, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 đồng ý cùng đứng tên sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất tại hai vị trí này.

Sau khi khấu trừ phần đất có tổng diện tích chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tặng cho quyền sử dụng đất, phần đất làm đường đi công cộng và phần đất các đồng thừa kế cùng đứng tên thì diện tích còn lại để chia di sản thừa kế là 2.372m^2. Chia di sản thừa kế của Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 theo pháp luật cho những người thừa kế hàng thứ nhất cụ thể gồm: ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn Hoà thì mỗi người được nhận một phần diện tích bằng nhau tương ứng 296,5m^2. Đối với phần nhà tranh chấp trên đất gồm: Nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole kẽm, không trần, nền xi măng, vách xây, diện tích xây dựng 25,675m^2 theo biên bản định giá ngày 03/12/2021 thì có tổng giá trị theo giá thẩm định là: 354.941.806 đồng (Ba trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, tám trăm lẻ sáu đồng). Chia giá trị nhà cho 08 người được hưởng thừa kế của Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 thì mỗi người được hưởng giá trị nhà là 44.367.725 đồng (Bốn mươi bốn triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Giao cho Huỳnh Văn H phần đất tại vị trí A có diện tích 171,1m^2 loại đất cây lâu năm; vị trí Q có diện tích 365.6m^2 loại đất thổ cư và cây lâu năm và vị trí N có diện tích 31,9m^2 loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ

số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao cho bà Huỳnh Thị Kim E tại vị trí D có diện tích 492,3m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập và phần nhà trên đất gồm Nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole kẽm, không trần, nền xi măng, vách xây, diện tích xây dựng 25,675m^2 theo biên bản xem xét thẩm định ngày 03/12/2021.

Giao cho ông Huỳnh Văn H1 phần đất tại vị trí G có diện tích 633,3m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao cho ông Huỳnh Văn H2 và NLQ7 phần đất tại vị trí H có diện tích 383,3m^2; Hiện trạng: loại đất cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao ông Huỳnh Văn T phần đất tại vị trí K có diện tích 557m^2 và vị trí O có diện tích 250m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao ông Huỳnh Văn H3 phần đất tại vị trí L có diện tích 411,5m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao cho Huỳnh Văn H4 phần đất tại vị trí M có diện tích 375,9m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Giao cho bà Huỳnh Thị Kim A phần đất tại vị trí P, có diện tích 370,4m^2; Hiện trạng: đất thổ cư và cây lâu năm; tại thửa đất số 241,242,243,244; tờ bản đồ

số 02; tọa lạc tại phường Phú Thứ, quận C, thành phố Cần Thơ theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ lập.

Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với phần diện tích đất được hưởng thừa kế, được tặng cho có diện tích là 31,8m^2, sau khi khấu trừ giá trị nhà được nhận thì ông H phải có nghĩa vụ trả tương ứng với số tiền 135.882.275 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng). Buộc bà Huỳnh Thị Kim E phải có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với phần diện tích đất được hưởng thừa kế, được tặng cho có diện tích là 95,8m^2 và trả giá trị nhà cho các đồng thừa kế còn lại tương ứng với tổng số tiền 550.074.075 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng). Buộc ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với phần diện tích đất được hưởng thừa kế, được tặng cho có diện tích là 310,5m^2, sau khi khấu trừ giá trị nhà được nhận thì ông T phải có nghĩa vụ trả tương ứng với số tiền 731.882.275 đồng (Bảy trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng). Buộc ông Huỳnh Văn H4 phải có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch so với phần diện tích đất được hưởng thừa kế có diện tích là 79,4m^2, sau khi khấu trừ giá trị nhà được nhận thì ông Hoà phải có nghĩa vụ trả tương ứng với số tiền 154.132.275 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng)

Ông Huỳnh Văn H1 nhận giá trị phần đất thiếu so với diện tích đất được chuyển nhượng, hưởng thừa kế có diện tích là 149,2m^2 và giá trị nhà được hưởng tương ứng với tổng số tiền 417.367.725 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Ông Huỳnh Văn H2 và bà NLQ7 nhận giá trị phần đất thiếu so với diện tích đất được chuyển nhượng có diện tích là 102,8m^2 tương ứng với số tiền 257.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Ông Huỳnh Văn H2 nhận giá trị phần đất được hưởng thừa kế có diện tích 296,5m^2 và giá trị nhà được hưởng thừa kế tương ứng với tổng số tiền 785.617.725 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Ông Huỳnh Văn H3 nhận giá trị phần đất thiếu so với diện tích đất được hưởng thừa kế, tặng cho có diện tích là 85m^2 và giá trị nhà được hưởng thừa kế tương ứng với tổng số tiền 256.867.725 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng). Bà Huỳnh Thị Kim A được nhận giá trị phần đất thiếu so với diện tích đất được hưởng thừa kế, được tặng cho có diện tích là 26,1m^2 và giá trị nhà được hưởng thừa kế tương ứng với tổng số tiền 109.617.725 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, sáu trăm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) trong số tiền mà bà NLQ3, ông Huỳnh Văn H,

bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn Hoà có nghĩa vụ trả lại giá trị đất trong phần diện tích chênh lệnh nhiều hơn.

Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất đối với phần nhà và đất nói trên theo quy định pháp luật. (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Cần Thơ)

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông H1, ông H2, bà NLQ7, ông H3, bà Kim A có đơn đề nghị thi hành án mà bà NLQ3, ông H, bà Kim E, ông Hoà không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì bà NLQ3, ông H, bà Kim E, ông Hoà còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu ông NLQ1 bồi thường 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ông Huỳnh Văn H4 bồi thường 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu yêu cầu ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) do phá vỡ vật kiến trúc trên đất và hoa màu, yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn T bồi thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 20 tháng 9 năm 2022, ông Huỳnh Văn H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn ông H: vẫn ghi nhận việc ông H0, bà U1 tặng cho đất và chuyển nhượng đất cho các con như án sơ thẩm xác định. Đề nghị hủy án sơ thẩm vì cấp sơ thẩm có những sai sót như sau: Việc các đồng thừa kế cho rằng bán đất cho ông NLQ1 để trả nợ vay nhưng cấp sơ thẩm không mời bên cho vay làm rõ việc trả nợ, không chứng minh tiền bán đất để trả nợ; ông NLQ8 là đại diện cho ông Khánh NLQ8 nhưng cấp sơ thẩm lại cho ông NLQ8 bảo vệ cho ông NLQ1 bà U1 là vi phạm tố tụng; ông H, bà Diệu kết hôn năm 2008, nhưng sơ thẩm không đưa vợ ông H tham gia tố tụng là có thiếu sót vì vợ ông H cùng ông H xây dựng nhà mà cấp sơ thẩm giao cho bà Kim E; cấp sơ thẩm tính toán phần đất có sai sót diện tích làm ảnh hưởng đến diện tích mỗi người được hưởng; hợp đồng chuyển

nhượng cho ông NLQ1 chỉ lập giấy tay không đúng quy định và ông H không ký vào chuyển nhượng trong khi ông H là thừa kế của ông H0, tài sản là của ông H0.

- Các bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý bản án sơ thẩm đã chia. Tuy nhiên, ông T đề nghị giao phần đất vị trí O mà cấp sơ thẩm giao cho ông thì ông đề nghị giao cho ông H2 vì ông không có khả năng thối lại giá trị, và ông T đồng ý mở lối đi cho ông H2, bà NLQ7 đi vào vị trí O. Ông H2 và bà NLQ7 thống nhất nhận phần này. Bị đơn ông H4 yêu cầu đổi vị trí với bà Kim E tại vị trí D, nhưng bà Kim E không đồng ý.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, ông H2, bà NLQ7 và ông T đã thỏa thuận việc đổi đất tại vị O nên ghi nhận. Đối với các yêu cầu của đương sự, thấy rằng cấp sơ thẩm đã xác định phần đất đã chuyển nhượng và công nhận cho ông NLQ1 là đúng, công nhận việc ông H0 và bà U1 tặng cho con và chuyển nhượng cho các con các phần đất là đúng, xác định được di sản còn lại để chia, người thừa kế được hưởng là chính xác, cách thức phân chia là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên phần này. Chỉ sửa phần ông H2 và ông T đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn ông H, người liên quan ông NLQ8 vắng mặt nhưng có người đại diện, đương sự ông NLQ1, bà U1 xin vắng mặt, đối với bà NLQ6 hiện ở nước ngoài nhưng việc vắng mặt của bà không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông H:

[2.1] Qua tranh luận tại phiên tòa cũng như xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: ông Huỳnh Văn H0 và bà Lê Thị U1 là vợ chồng chung sống với nhau có 08 người con chung: gồm ông Huỳnh Văn H1, Huỳnh Văn H, Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn H3, Huỳnh Văn H2, Huỳnh Văn H4, Huỳnh Thị Kim E, Huỳnh Thị Kim A, ông H0 và bà U1 không có riêng và cha mẹ của ông, bà cũng đã qua đời. Ông H0 qua đời 2012, bà U1 qua đời năm 2017. Ông, bà chung sống với nhau có tạo lập được khối tài sản là quyền sử dụng đất gồm các thửa: 241, 242, 243, 244 do ông H0 đứng tên. Các thừa kế của ông, bà là các con chung xác định thống nhất quan hệ này. Nay các thừa kế của ông bà yêu cầu chia di sản của ông, bà để lại theo diện tích đo đạc thực tế là có cơ sở. Tuy nhiên, trong vụ án này, ngoài quan hệ tranh chấp chia thừa kế thì còn có tranh chấp việc chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất liên quan đến đất mà các thừa kế yêu cầu chia nên cần xác định

việc chuyển nhượng tặng cho này có hợp pháp, công nhận hay không từ đó mới xác định được phần đất còn lại những gì để chia cho các thừa kế.

[2.2] Đối việc chuyển nhượng đất từ bà U1 cho vợ chồng ông NLQ1, bà NLQ2: Ngày 08/4/2014, bà Lê Thị U1 có ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo chuyển nhượng đất diện tích 2.749,4m^2 cho bà U1, ông NLQ1 với số tiền 962.290.000đồng, vợ chồng ông NLQ1 đã đặt cọc 500.000.000 đồng, bà U1 cùng các con đã nhận, trừ ông H không có ký nhận, tiếp theo ngày 25/4/2014, bà U1 cùng các con nhận thêm từ vợ chồng ông NLQ1 số tiền 462.290.000 đồng là đủ tiền chuyển nhượng, thỏa thuận sau một tuần thì bà U1 bàn giao giấy chứng nhận cho ông NLQ1 đi làm thủ tục công chứng và tách thửa. Qua xem xét thỏa thuận chuyển nhượng, tuy rằng thời điểm chuyển nhượng ông H0 đã qua đời nhưng vợ và các con ông là người thừa kế thống nhất có chuyển nhượng đất này cho vợ chồng ông NLQ1, và tuy rằng việc chuyển nhượng này không có ông H là một trong những thừa kế của ông H0 tham gia ký nhưng sau ngày nhận tiền cọc từ vợ chồng ông NLQ1 thì số tiền này đem đi trả Ngân hàng để giải chấp tài sản là quyền sử dụng đang thế chấp vay tại Ngân hàng Nông Nghiệp, đặc biệt, người đứng vay là ông H, ông H0 là người bảo lãnh cho ông H vay, tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2020 (bút lục 212) ông H thừa nhận ông vay 300.000.000 đồng nhưng không có khả năng trả nên mẹ ông là bà U1 chuyển nhượng đất cho ông NLQ1 để trả, vì vậy, có cơ sở xác định từ số tiền chuyển nhượng này đem đi trả nợ cho ông H thì dù ông H không ký vào văn bản chuyển nhượng cho ông NLQ1 thì hợp đồng cũng không vô hiệu vì có căn cứ xác định số tiền này ông H cũng có sử dụng, phía ông H lại phủ nhận số tiền vay Ngân hàng là ông về đem chia cho các anh em sử dụng chung nhưng các anh em không thừa nhận và cho dù có thì bản thân ông cũng có sử dụng tiền vay này nên dù ông H phản đối việc chuyển nhượng này nhưng có chứng cứ chứng minh số tiền chuyển nhượng đất đem trả cho khoản vay ông H đã vay trước đó không có khả năng chi trả, mặt khác, đất này bà U1 và các thừa kế đã giao cho vợ chồng ông NLQ1 quản lý và sử dụng từ năm 2014 đến nay, vợ chồng ông NLQ1 đã xây dựng cơ sở kinh doanh nhưng ông H không hề phản đối thì mặc nhiên đã thừa nhận việc chuyển nhượng này, các thừa kế còn lại cho đến thời điểm hiện này vẫn đồng ý tách phần đất đã chuyển nhượng cho ông NLQ1 nên yêu cầu ông H đòi hủy hợp đồng này là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, yêu cầu của vợ chồng ông NLQ1 đòi công nhận việc chuyển nhượng với diện tích thực tế 2.710,2m^2 tại vị trí J là có cơ sở chấp nhận. Tuy đất nhận chuyển nhượng có thiếu so với thỏa thuận ban đầu nhưng ông NLQ1 vẫn chấp nhận diện tích này nên công nhận diện tích này.

[2.3] Về việc ông H0, bà U1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông H1, bà NLQ3, ông H2 và bà NLQ7. Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, các thừa kế của ông H0, có cả ông H đều xác định có việc ông H0, bà U1 chuyển nhượng đất

cho những người này, cụ thể: ông H1 có diện tích 486m^2, bà NLQ3 100m^2, ông H2 và bà Thúy 486m^2, thấy rằng, khi chuyển nhượng các bên có lập giấy tay tuy hình thức không đúng quy định nhưng được các thừa kế ông H0 thống nhất, các bên đã giao nhận đất sử dụng, trả đủ tiền chuyển nhượng nên căn cứ theo quy định Điều 129 Bộ luật Dân sự 2015 công nhận việc chuyển nhượng này.

[2.4] Đối với việc tặng cho quyền sử dụng đất từ ông H0 cho các ông, bà gồm: ông H 200m^2, ông H3 200m^2, ông T 200m^2, bà Kim A 100m^2, bà Kim E 100m^2, quá trình giải quyết các thừa kế thống nhất việc tặng cho này nên công nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu của ông H buộc các thừa kế phải trả 1.860m^2 do trước đây ông nhận chuyển nhượng của ông T và bà H12 thửa đất 236, sau đó cha ông đổi thửa 236 cho ông tại thửa 243 (hiện thửa ông NLQ1 nhận chuyển nhượng từ bà U1), xét thấy, tuy rằng tại bản án giải quyết vụ việc ly hôn của bà H12 và ông T có nhận định thửa đất 236 này ông với bà H12 đã chuyển nhượng cho ông H nhưng đã tách phần này ra không giải quyết trong vụ việc ly hôn của ông T và bà H12, đồng thời ông H đã cho ông H4 phần đất thửa 236 này nhưng đất cũng đã bị thu hồi, ông H4 đã nhận tiền (bút lục 11), ông H cho rằng ông H0 kêu ông đổi đất thửa 243 nhưng không có văn bản thể hiện việc chuyển đổi này cũng như các thừa kế ông H0 không thống nhất nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của ông H.

[2.6] Đối với căn nhà tại vị trí D các thừa kế xác định là của ông H0 và bà U1 xây dựng, qua đời để lại, riêng ông H cho rằng, ông ở nhà này và có sữa chữa xây dựng nhưng không cung cấp giấy tờ chứng minh mình được cấp phép xây dựng cũng như các chứng từ hóa đơn nguyên liệu cất nhà nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông H công nhận nhà này cho ông. Vì vậy, xác định nhà là của ông H0, bà U1 để lại trở thành di sản chia cho các thừa kế theo quy định.

[2.7] Xác định diện tích còn lại để chia thừa kế: Phần đất ông H0 được Nhà nước cấp tại các thửa 241, 242, 243, 244 có diện tích đo đạc thực tế 9.058,2m^2 (đã trừ phần ranh chưa thống nhất với ông Tấn 6,9m^2) theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập, các đương sự thống nhất số liệu thực tế này. Tuy nhiên, trong tổng thể phần đất có loại đất chưa sử dụng diện tích 1.755,8m^2 không nằm trong giấy cấp cho ông H0, vấn đề này Ủy ban có văn bản xác định đất này nếu đủ điệu kiện cấp giấy thì cấp cho đương sự nên cấp sơ thẩm đã trừ phần này ra không tính vào diện tích đất đã chia thừa kế là đúng. Do phần đất này nằm rải rác không nằm chung một chổ nên khi chia thừa kế chắc chắn phần đất các đương sự được chia sẽ có phần đất này theo như bản trích đo đã thể hiện, vì vậy, đối với phần đất này các đương sự chứng minh quá trình sử dụng và đủ điều kiện cấp giấy thì liên hệ đến cơ quan có thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật đất đai. Vậy khấu trừ các phần đất cụ thể như sau: đất chưa sử dụng 1.755,8m^2, đất chuyển nhượng cho ông NLQ1

2.710,2m^2, đất chuyển nhượng cho NLQ3 100m^2, đất chuyển nhượng cho ông H1 486m^2, đất chuyển nhượng cho ông H2, bà NLQ7 486m^2, đất tặng cho ông T, ông H, ông H3 mỗi người 200m^2, Kim A, Kim E mỗi người 100m^2 = 6.338m^2 . Vậy diện tích còn lại chia thừa kế: 9.058,2m^2 – 6.338m^2 = **2.720,2m^2**. Do ông H0, bà U1 qua đời không để lại di chúc nên di sản được chia theo pháp luật. Như trên xác định các thừa kế ông H0, bà U1 là 08 người nên chia 08 phần như cấp sơ thẩm xác định mỗi người thừa kế được hưởng 296,5m^2 là chính xác và do phần di sản này các đồng thừa kế đều sử dụng nên không cần tính công sức quản lý di sản cho ai. Và cấp sơ thẩm xác định giao các phần đất tương ứng cho mỗi người có xem xét hiện trạng sử dụng thực tế của các thừa kế theo bản vẽ, có tính toán sự chênh lệch cho các thừa kế nhận thừa hoặc thiếu thì được nhận thêm hoặc trả thêm là đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đề nghị giao cho ông H2, bà NLQ7 phần đất vị trí O, diện tích 250m^2 (ODT+CLN) nên giao cho ông H2, bà NLQ7 thêm phần này, cụ thể: ông H2, bà NLQ7 được nhận vị trí H và O có tổng diện tích 633.3m^2, diện tích ông H2, bà NLQ7 nhận chuyển nhượng 486m^2, diện tích chia thừa kế 296,5m^2, cộng 782,5m^2, vậy ông H2 được nhận diện tích thừa kế còn thiếu theo giá trị là 149,2m^2 x 2.500.000 đồng/m^2= 373.000.000 đồng + giá trị nhà 44.367.725 đồng = 417.367.725.000 đồng. Đối với ông T được công nhận vị trí K 557m^2, trong khi diện tích ông được hưởng thừa kế và tặng cho là 496,5m^2, dư 60,5m^2 trả lại giá trị cho các thừa kế 60,5m^2 x 2.500.000 đồng 151.250.000 đồng, trừ tiền giá trị nhà ông được hưởng 44.367.725, còn phải trả 106.882.275 đồng. Ông T và ông H2 còn thỏa thuận: ông T sẽ dành đường đi cho ông H2 đi vào vị trí O nên ghi nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông H4 có đề nghị giao cho ông phần đất vị trí D mà cấp sơ thẩm giao cho bà Kim E, bà Kim E không thống nhất, xét thấy sau khi cấp sơ thẩm giao cho bà Kim E phần đất này, ông không có kháng cáo tức đã đồng ý và tại phiên tòa các anh em thừa nhận bà Kim E trước ở bên chồng nhưng sau này khi cha mẹ già yếu bà có về ở nhà để chăm sóc cha mẹ và hương khói trong nhà đến hôm nay nên ổn định giao cho bà Kim E như án sơ thẩm đã quyết định.

[2.8] Đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại: xét thấy, phía ông H yêu cầu ông NLQ1, ông H4 bồi thường thiệt hại nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc ông NLQ1, ông H4 có hành vi gây thiệt hại tài sản, hành vi gây thiệt hại có gây ra thiệt hại như thế nào và chứng cứ xác định giá trị thiệt hại là bao nhiêu, phía ông NLQ1 và ông H4 không thừa nhận hành vi gây thiệt hại nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H.

[2.9] Với ý kiến của ông H cho rằng, việc ông NLQ8 tham gia tại Tòa án cấp sơ thẩm mà không có ủy quyền từ ông NLQ1, bà U1 cho ông NLQ8 là vi phạm tố tụng, xét thấy, việc ông NLQ8 trình bày tại tòa sơ thẩm là đại diện cho ông NLQ8 (có văn bản ủy quyền hợp pháp), không bảo vệ cho ông NLQ1, do phía ông NLQ8

đã nhận chuyển nhượng phần đất từ vợ chồng NLQ1 nên ông NLQ8 chỉ có ý kiến ổn định cho ông NLQ1 để ông NLQ1 sau này sẽ lập thủ tục sang tên cho ông NLQ8, ông NLQ8 trình bày là ý kiến từ ông NLQ8. Còn phía vợ chồng ông NLQ1 trước đây có ủy quyền cho ông C đại diện tham gia tố tụng nhưng sau đó các bên thống nhất hủy bỏ việc ủy quyền và vợ chồng ông NLQ1 đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, do đó, ý kiến của đại diện ông H cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng là không có cơ sở. Ngoài ra, ông H còn cho rằng vợ ông là bà Ngô Thị Diệu cùng ông xây dựng nhà số 264 nhưng quá trình giải quyết không đưa vợ ông tham gia tố tụng là có thiếu sót, thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án không có chứng cứ chứng minh nhà này là do vợ chồng ông H bỏ tiền ra xây dựng nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Diệu và tại phiên tòa các anh em ông H xác định nhà này của ông H0 và bà U1 xây dựng lâu đời, chỉ sửa lại ở đến hôm nay, ông H không sữa chữa, do đó, không cần thiết phải đưa bà Diệu vào tham gia tố tụng.

[2.10] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện nguyên đơn đề nghị xác định diện tích đất tại vị trí I là đường đi công cộng trước đây do ông H bỏ ra làm đường nên đề nghị các thừa kế còn lại trả cho ông H chi phí làm đường 100.000.000 đồng, thấy rằng, khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm phía ông H đã thống nhất đây là đường đi chung cho các anh em và đề nghị Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định và nay lại yêu cầu nhưng không có chứng cứ chứng minh, mặt khác ông H không kháng cáo phần này nên không có cơ sở xem xét, giữ nguyên như án sơ thẩm. Từ những nhận định trên nên các yêu cầu kháng cáo của ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[2.11] Đối với cây trồng và nhà trên đất của ông H2, ông H1, ông T, các đương sự không tranh chấp và không kháng cáo nên không xem xét giải quyết.

[3] Với những nhận định nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ nhân thân, xác định đúng người thừa kế, khối di sản để chia là đúng nên giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chỉ sửa phần đất giao cho ông H2 và ông T như trên nhận định và việc sửa này là khách quan do đương sự thỏa thuận một cách tự nguyện.

[4] Về chi phí tố tụng: 18.780.000 đồng, cấp sơ thẩm xác định nghĩa vụ của các thừa kế là đúng nên giữ nguyên như án sơ thẩm quyết định.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do các đương sự được chia thừa kế nên phải chịu án phí trên số tiền giá trị di sản được hưởng theo quy định. Tuy nhiên, ông H1 được miễn do là người cao tuổi. Cụ thể mỗi người phải chịu như sau:

-ông H có yêu cầu công nhận nhà đất 1.860m^2 và hủy hợp đồng đặt cọc nhưng không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng, yêu cầu đòi bồi thường 1.500.000.000 đồng không được chấp nhận nên phải chịu 57.000.000 đồng, tiền

hưởng di sản tính ra giá trị 741.250.000 đồng (đất 296,5m^2 x 2.500.000 đồng), giá trị nhà 44.367.000 đồng (làm tròn), tổng giá trị nhà đất được hưởng 785.617.000 đồng, án phí là 35.424.000 đồng (làm tròn). Tổng cộng ba khoản án phí 92.724.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H2 phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn T phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H3 phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H4 phải chịu 35.424.000 đồng.

-bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu 35.424.000 đồng.

-bà Huỳnh Thị Kim E phải chịu 35.424.000 đồng.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do nguyên đơn ông H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 129, 650, 651, 468 Bộ luật dân sự;

-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 111/2022/DS-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân quận C.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn H0 và bà Lê Thị U1. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H1. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ7, bà NLQ3, ông NLQ1 và bà NLQ2.

1.1 Công nhận hợp đồng đặt cọc lập ngày 08/04/2014 giữa ông NLQ1 với bà Lê Thị U1. Buộc các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E phải thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông NLQ1, bà NLQ2. Công nhận phần đất tại vị trí J có diện tích 2.710,2m^2; Loại đất cây lâu năm theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập cho ông NLQ1 và bà NLQ2.

1.2 Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng giữa ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 với bà NLQ3 lập ngày 11/02/2012. Công nhận phần đất tại vị trí F có diện tích 201,7m^2; 100m^2 loại đất thổ cư và 101,7m^2, loại đất cây lâu

năm theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập cho bà NLQ3. Bà NLQ3 có nghĩa vụ trả cho các thừa kế của ông H0 và bà U1 số tiền 254.250.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

1.3 Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H2 cùng bà NLQ7 với ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 và giao cho ông Huỳnh Văn H1 phần đất có diện tích 486m^2, giao cho ông Huỳnh Văn H2 cùng bà NLQ7 có diện tích 486m^2.

1.4 Ghi nhận các thừa kế của ông H0, bà U1 về việc ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 có tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T mỗi người 200m^2; bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E mỗi người 100m^2 và đồng ý giao phần đất cho ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T mỗi người 200m^2 và giao phần đất cho bà Huỳnh Thị Kim A, Huỳnh Thị Kim E mỗi người 100m^2.

1.5 Ghi nhận các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 gồm ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn H3, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E thống nhất phần đất tại vị trí I có diện tích 131,6m^2; loại đất cây lâu năm theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập thì làm đường đi công cộng và ghi nhận phần đất vị trí C có diện tích 168,2m^2; loại đất cây lâu năm và phần đất tại vị trí E có diện 48,4m^2; loại đất cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập thì không phân chia, các đồng thừa kế của ông Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 được đứng tên sử dụng đất đối với quyền sử dụng đất tại ba vị trí này.

1.6 Chia di sản thừa kế của Huỳnh Văn H0, bà Lê Thị U1 theo pháp luật cho những người thừa kế hàng thứ nhất gồm: ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H, ông Huỳnh Văn H3, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn Hoà.

1.6.1 Giao cho Huỳnh Văn H phần đất tại vị trí A có diện tích 171,1m^2, loại đất cây lâu năm; vị trí Q có diện tích 365.6m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm và vị trí N có diện tích 31,9m^2, loại đất cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.2 Giao cho bà Huỳnh Thị Kim E tại vị trí D có diện tích 492,3m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập và phần nhà trên đất gồm: Nhà khung cột bê tông cốt thép, mái tole kẽm, không trần, nền xi măng,

vách xây, diện tích xây dựng 25,675m^2 theo biên bản xem xét thẩm định ngày 03/12/2021.

1.6.3 Giao cho ông Huỳnh Văn H1 phần đất tại vị trí G có diện tích 633,3m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.4 Giao cho ông Huỳnh Văn H2 và NLQ7 phần đất tại vị trí H có diện tích 383,3m^2, loại đất cây lâu năm và phần đất tại vị trí O có diện tích 250m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.5 Giao ông Huỳnh Văn T phần đất tại vị trí K có diện tích 557m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.6 Giao ông Huỳnh Văn H3 phần đất tại vị trí L có diện tích 411,5m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.7 Giao cho Huỳnh Văn H4 phần đất tại vị trí M có diện tích 375,9m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.8 Giao cho bà Huỳnh Thị Kim A phần đất tại vị trí P, có diện tích 370,4m^2, loại đất thổ cư và cây lâu năm theo bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập.

1.6.9 Buộc ông Huỳnh Văn H có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch 135.882.275 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng); Buộc bà Huỳnh Thị Kim E có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch và giá trị nhà số tiền 550.074.075 đồng (Năm trăm năm mươi triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng); Buộc ông Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch số tiền 106.882.275 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng); Buộc ông Huỳnh Văn H4 có nghĩa vụ trả giá trị diện tích đất chênh lệch số tiền 154.132.275 đồng (Một trăm năm mươi bốn triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm đồng)

1.6.10 Ông Huỳnh Văn H1 được nhận giá trị phần đất và nhà thiếu số tiền 417.367.725 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng); Ông Huỳnh Văn H2 nhận giá trị thừa kế phần đất và nhà còn thiếu 417.367.725 đồng (Bốn trăm mười bảy triệu, ba trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng); Ông Huỳnh Văn H3 nhận giá trị phần đất và nhà thiếu số tiền 256.867.725 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu, tám trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng); Bà Huỳnh Thị Kim A được nhận giá trị

phần đất và nhà thiếu số tiền 109.617.725 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, sáu trăm mươi bảy nghìn, bảy trăm hai mươi lăm đồng) trong số tiền mà bà NLQ3, ông Huỳnh Văn H, bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn Hoà, Huỳnh Văn T có nghĩa vụ trả lại giá trị đất trong phần diện tích chênh lệnh nhiều hơn.

1.6.11 Các đương sự được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất đối với phần nhà và đất nói trên theo quy định pháp luật. (Kèm theo Bản trích đo địa chính số 109/TTKTTNMT ngày 20/07/2022 do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật ông H1, ông H2, ông H3, bà Kim A có đơn đề nghị thi hành án mà bà NLQ3, ông H, bà Kim E, ông Hoà, ông T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì bà NLQ3, ông H, bà Kim E, ông Hoà, ông T còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu ông NLQ1 bồi thường 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và ông Huỳnh Văn H4 bồi thường 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn H về việc yêu cầu yêu cầu ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn H3 bồi thiệt hại số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); yêu cầu ông Huỳnh Văn H1 và ông Huỳnh Văn T bồi thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

4. Về chi phí tố tụng: ông Huỳnh Văn H1, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn H2, ông Huỳnh Văn H3, bà Huỳnh Thị Kim A, bà Huỳnh Thị Kim E, ông Huỳnh Văn Hoà mỗi người phải trả lại số tiền 2.347.500 đồng (Hai triệu, ba trăm bốn mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) cho nguyên đơn ông H.

5. Về án phí:

5.1 Án phí sơ thẩm:

-ông H phải chịu án 92.724.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 43.250.000 đồng theo hai biên lai thu số 006510 ngày 12/6/2018 và số 006934 ngày 03/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, còn phải nộp 49.474.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H2 phải chịu 35.424.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.100.000 đồng theo hai biên lai thu số 006865 ngày 31/10/2018 và số 006972 ngày 12/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, còn phải nộp 33.324.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn T phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H3 phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông Huỳnh Văn H4 phải chịu 35.424.000 đồng.

-bà Huỳnh Thị Kim A phải chịu 35.424.000 đồng.

-bà Huỳnh Thị Kim E phải chịu 35.424.000 đồng.

-ông NLQ1, bà NLQ2 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006871 ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

-bà NLQ3 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)theo biên lai thu số 006864 ngày 31/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

-bà NLQ7 được nhận lại số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006973 ngày 12/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

-ông Huỳnh Văn H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 006863 ngày 31/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

5.2 Án phí phúc thẩm: nguyên đơn ông H phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng 300.000 đồng thành án phí theo biên lai thu số 0008572 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Cái Răng;
- Chi Cục THADS Q. Cái Răng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh